

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/KDTM-PT
Ngày 18-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng khoán kinh doanh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thúy Hà

Ông Nguyễn Quốc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 và ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 2 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng khoán kinh doanh.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2021/KDTM-ST ngày 9/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐXXPT-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐ-PT ngày 7 tháng 6 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐPT-KDTM ngày 28/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần CP; địa chỉ trụ sở: Số 84-86 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ giao dịch: Số 53 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà G - Giám đốc Công ty, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 6 đường I, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; ông J, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 53 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; Ông K, sinh năm 1963, địa chỉ: Số L, phường M, quận F, thành phố Hải Phòng đều là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/3/2021), bà H ông J đều có mặt, ông K vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông N - Luật sư Công ty Luật TNHH O, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần NT, địa chỉ trụ sở: Số 24/31 phố P, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Q, địa chỉ: Số 7/45 R, phường S, quận F, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 26/5/2022), có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Cổ phần NLQ1; địa chỉ trụ sở: Số T, phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ các chi nhánh: Tầng 7 Trung tâm W, số 3 X, phường Y, quận Thanh Z, thành phố Hà Nội và AA, phường AB, Quận AC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông AD, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 2 đường AE, phường AE, quận AF, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 30/2020-CN-GUQ ngày 26/8/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị), vắng mặt.

- Bà NLQ2, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 22 R, phường S, quận F, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Bà NLQ3, sinh năm 1954; địa chỉ: Số AG, phường AH, quận AI, thành phố Hải Phòng, có mặt phiên tòa ngày 28/6/2022, vắng mặt phiên tòa 18/7/2022.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm:

Căn nhà số 28A đường AJ, phường AK (cũ là phường AJ), quận C, thành phố Hải Phòng là tài sản được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Hải Phòng giao cho Công ty CP (viết tắt là Công ty CNP) làm trụ sở kể từ khi thành lập doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1465/QĐ-TCCQ ngày 12/12/1992 và là một trong các điểm được đăng ký kinh doanh của Công ty CNP. Nhà số 28A gồm 03 tầng, diện tích khoảng 195m²/tầng. Năm 2005, Công ty CNP đăng ký thành lập Chi nhánh Công ty CP - Trung tâm AL (viết tắt là Trung tâm AL), đặt trụ sở chi nhánh tại nhà số 28A; giao nhà số 28A cho Trung tâm AL trực tiếp kinh doanh và nộp khoản doanh thu về Công ty CNP. Theo đó, Chi nhánh hoạt động theo sự uỷ quyền của Công ty và hạch toán phụ thuộc.

Do xảy ra tranh chấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, ngày 24/12/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng mới cấp Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp (viết tắt là GCNĐKDN) thay đổi lần thứ 4 cho Công ty CNP và ghi nhận người đại diện theo pháp luật của Công ty CNP là bà G.

Từ khi bà G giữ vị trí Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty CNP từ ngày 24/12/2018, bà Hải chưa được người đại diện theo pháp luật của Công ty CNP trước là bà NLQ2 bàn giao, báo cáo tình hình hợp tác kinh doanh, cũng như việc thực hiện các nghĩa vụ của đối tác tại điểm AQ số 28A.

Ngày 09/01/2016, người đại diện theo pháp luật của Công ty CNP theo GCNĐKDN thay đổi lần thứ 3 là bà NLQ2 có ký Văn bản số 01/UQ ủy quyền trực tiếp cho bà NLQ3 là Phó Giám đốc Trung tâm AL thay mặt Công ty CNP ký Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL và Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD cùng ngày 11/9/2017 với Công ty Cổ phần NT (viết tắt là Công ty NT).

Hợp đồng khoán kinh doanh trên có các nội dung: Công ty NT nhận khoán kinh doanh toàn bộ nhà 28A để sử dụng kinh doanh theo mặt hàng đã đăng ký, được Nhà nước cho phép; thời gian khoán kinh doanh 73 tháng, bắt đầu từ ngày bàn giao mặt bằng ngày 11/9/2017; tiền khoán 90.000.000 đồng/tháng, thanh toán từng quý (03 tháng/lần) bằng hình thức Công ty NT chuyển tiền khoán kinh doanh vào 02 tài khoản đứng tên Công ty CNP là số 019843170001 tại Ngân hàng AM và số 099704070001652 tại Ngân hàng TMCP AN. Công ty NT được phép liên doanh, liên kết và cho khoán lại một phần tài sản hay hợp đồng khoán kinh doanh này với đối tác khác tại nhà số 28A (mục 3.2 Điều 3 Hợp đồng). Cùng ngày 11/9/2017, hai bên đã bàn giao mặt bằng, có biên bản kèm theo. Ngay cùng ngày 11/9/2017, Công ty NT ký Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-CPNL NT với Công ty Cổ phần NLQ1 (viết tắt là Công ty NLQ1). Các điều khoản tại Hợp đồng giữa Công ty NT và Công ty NLQ1 giống với Hợp đồng của Công ty NT và Công ty CNP, chỉ khác về số tiền khoán hàng tháng Công ty NLQ1 phải thanh toán cho Công ty NT là 180.000.000 đồng. Vì vậy, nhà số 28A do Công ty NLQ1 quản lý kinh doanh đồ uống thương hiệu “AO” từ ngày 11/9/2017 cho đến nay.

Về phía Công ty CNP, sau khi được cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ 4 ngày 24/12/2018, thực hiện quyền của chủ tài sản theo quy định, Công ty CNP đã có các văn bản thông báo gửi Công ty NT, Công ty NLQ1 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ bà NLQ2 sang bà G và đề nghị Công ty NT thanh toán tiền khoán kinh doanh từ ngày 01/01/2019 cho Công ty CNP theo Hợp đồng hai bên đã ký. Nhưng, Công ty CNP không nhận được tiền khoán kinh doanh của Công ty NT qua chuyển khoản hoặc tiền mặt trực tiếp. Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng, Công ty NT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CNP từ ngày 01/01/2019 cho đến nay. Ngày 26/10/2020, Công ty CNP có đơn khởi kiện Công ty NT tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn và người liên quan bà NLQ3 cho rằng: Công ty NT chỉ ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty CNP, không ký hợp đồng với Công ty CNP, Công ty NT đã thanh toán đủ tiền

khoản theo hợp đồng. Nguyên đơn vẫn khẳng định từ ngày 24/12/2018 đến nay, Công ty CNP đã có nhiều văn bản thông báo đề nghị, nhưng không nhận được sự hợp tác về mọi mặt của Công ty NT và Công ty NLQ1.

Trong trường hợp Công ty NT xuất trình các chứng từ thể hiện việc Công ty NT đã thanh toán cho Công ty CNP và được Tòa án chấp nhận để loại trừ lý do chấm dứt Hợp đồng, thì Công ty CNP vẫn đề nghị Tòa án xem xét toàn diện vụ án và chấp nhận yêu cầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng khoản kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 của Công ty CNP đối với Công ty NT; Công ty CNP sẽ chịu trách nhiệm liên quan đến việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo điều khoản cam kết tại Hợp đồng khoản kinh doanh đã ký theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty NT và Công ty NLQ1 phải có nghĩa vụ bàn giao ngay tài sản là toàn bộ nhà số 28A mà Công ty NLQ1 đang quản lý, sử dụng cho Công ty CNP.

Nay, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty CNP đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

1. Công ty Cổ phần CP được Đơn phương chấm dứt hợp đồng khoản kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoản kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 đã ký giữa Công ty CNP và Công ty NT.

2. Buộc Công ty NT và Công ty NLQ1 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ nhà số 28A AJ, phường AK, quận C, thành phố Hải Phòng cho Công ty CNP mà Công ty NLQ1 đang quản lý sử dụng kinh doanh đồ uống thương hiệu “AO” theo Hợp đồng khoản kinh doanh số 01/HĐKKD-CPNL NT ngày 11/9/2017, Phụ lục hợp đồng khoản kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 đã ký giữa Công ty NT và Công ty CNP, giữa Công ty NT và Công ty NLQ1.

3. Buộc Công ty NT phải có nghĩa vụ trả tiền khoản kinh doanh chưa thanh toán cho Công ty CNP theo Hợp đồng đã ký, tạm tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/12/2021 là 35 tháng 09 ngày (90.000.000 đồng/tháng), tương ứng số tiền là 3.177.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước 9,0%/năm. Trường hợp Công ty NT không bàn giao ngay trả lại nhà số 28A thì tiếp tục phải trả khoản tiền khoản kinh doanh cho Công ty CNP tương ứng với thời gian chậm trả nhà 28A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty NT trình bày:

Công ty NT được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp GCNĐKDN lần đầu vào ngày 10/8/2017 và được thay đổi lần thứ hai vào ngày 16/5/2019, người đại diện theo pháp luật là ông AP - Tổng Giám đốc.

Do có mối quan hệ hợp tác kinh doanh từ trước, Chi nhánh Công ty CNP đã ký Hợp đồng khoản kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoản kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 với Công ty NT, nội

dung các điều khoản cam kết thỏa thuận tại hợp đồng, phụ lục được thể hiện như người đại diện của nguyên đơn trình bày ở trên. Người đại diện Chi nhánh Công ty CNP ký hợp đồng với Công ty NT là bà NLQ3 - Phó Giám đốc Chi nhánh thực hiện theo Giấy ủy quyền số 01/UQ ngày 09/01/2016 của bà NLQ2 - Giám đốc Công ty CNP theo GCNĐKDN được thay đổi lần thứ 3 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng. Nên, Hợp đồng khoán kinh doanh, Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh được ký giữa Công ty NT và Chi nhánh Công ty CNP ngày 11/9/2017 là hợp pháp. Theo đó, Công ty NT ký Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-CPNL NT cùng ngày 11/9/2017 với Công ty NLQ1 là hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng khoán kinh doanh: Công ty NT nhận nhà số 28A theo Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 11/9/2017 và không sửa chữa, đầu tư xây dựng gì thêm. Cùng ngày 11/9/2017, Công ty NT đã bàn giao nguyên trạng nhà số 28A cho Công ty NLQ1. Sau khi nhận nhà số 28A, Công ty NLQ1 chỉ làm mới lại phần mặt tiền và nội thất bên trong căn nhà (sơn bả, lắp đặt biển hiệu, đèn chiếu sáng, cửa kính, máy điều hòa, quầy bar, bàn ghế) theo mục đích kinh doanh đồ uống thương hiệu "AO". Số tiền làm mới nhà số 28A do Công ty NLQ1 đầu tư theo thỏa thuận của hai bên cam kết tại hợp đồng đã ký, đó là: Công ty NT bàn giao mặt bằng và hỗ trợ tài chính bằng cách trừ tiền trực tiếp cho Công ty NLQ1 đã đầu tư làm mới nhà số 28A (tính theo ngày) vào tiền khoán phải trả hàng quý theo hợp đồng. Do đó, đối với khoản tiền làm mới, lắp đặt nội thất trong nhà số 28A nói trên kể từ khi Công ty NLQ1 nhận mặt bằng kinh doanh đến nay không liên quan đến Công ty NT và Chi nhánh Công ty CNP. Công ty NT không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Về thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Thực tế, Công ty NT đã thanh toán tiền khoán kinh doanh cho Công ty CNP đúng với Thông báo ngày 06/12/2017 và Công văn ngày 28/12/2018 của Chi nhánh Công ty CNP do bà NLQ3 ký, chỉ định thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào 02 tài khoản đứng tên Công ty CNP là tài khoản số 019843170001 tại Ngân hàng AM và tài khoản số 099704070001652 tại Ngân hàng TMCP AN hoặc chuyển tiền mặt trực tiếp. Do đó, Công ty NT không vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Ngoài ra, Công ty NT trình bày không ký Hợp đồng khoán kinh doanh trên với Công ty CNP nên không biết đơn vị khởi kiện Công ty NT có phải là Công ty CNP có Chi nhánh ký Hợp đồng với Công ty NT hay không? Việc tranh chấp liên quan đến nhà số 28A, Công ty NT chỉ được biết từ khi Công an quận Hồng Bàng đề nghị Công ty NT cung cấp tài liệu liên quan đến Công ty NLQ1 đang quản lý nhà số 28A, sau đó được Tòa án triệu tập đến để giải quyết tranh chấp trong vụ án này.

Vì những lý do trên, Công ty NT đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CNP.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà NLQ3 trình bày và xác nhận:

Bà NLQ3 là người lao động của Công ty CNP, có hợp đồng lao động và được giao nhiệm vụ Phó Giám đốc Trung tâm AL thực hiện việc quản lý, báo cáo mọi hoạt động kinh doanh của Chi nhánh tại nhà số 28A cho bà NLQ2 - người bổ nhiệm và ký Hợp đồng lao động với bà NLQ3.

Ngày 09/01/2016, bà NLQ2 (Giám đốc Công ty CNP theo GCNĐKDN thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp) ký Văn bản số 01/UQ ủy quyền trực tiếp cho bà NLQ3 ký Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017, Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 với Công ty NT. Hợp đồng thể hiện nội dung: Công ty NT nhận khoán toàn bộ nhà số 28A để kinh doanh và trả tiền khoán cho Công ty CNP. Cùng ngày 11/9/2017, hai bên giao nhận mặt bằng. Sau đó, Công ty NT ký hợp đồng khoán kinh doanh với Công ty NLQ1. Công ty NLQ1 sử dụng nhà số 28A từ ngày 11/9/2017 đến nay.

Bà NLQ3 xác nhận ngày 06/12/2017 và ngày 28/12/2018, với tư cách Phó Giám đốc - Trung tâm AL, bà có ký các văn bản chỉ định Công ty NT thanh toán tiền khoán cho Công ty CNP bằng hình thức chuyển tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản 019843170001 tại Ngân hàng AM và số tài khoản 099704070001652 tại Ngân hàng TMCP AN, tên chủ các số tài khoản là Công ty CNP. Quá trình quản lý nhà số 28A, bà NLQ3 thực hiện đúng nhiệm vụ, báo cáo mọi hoạt động tại điểm nhà số 28A cho bà NLQ2. Công ty NT đã trả tiền khoán cho Trung tâm AL; số tiền khoán kinh doanh này, bà NLQ3 không sử dụng mà chuyển về Phòng Kế toán Công ty CNP. Đến nay, Công ty NT vẫn thực hiện thanh toán tiền khoán cho Trung tâm AL.

Vì vậy, đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà NLQ3 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Công ty NLQ1:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng Công ty NLQ1 không hợp tác, không có ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi Tòa án ban hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tại nhà số 28A, Công ty NLQ1 có văn bản thể hiện: Theo Hợp đồng khoán kinh doanh đã ký ngày 11/9/2017 với Công ty NT, Công ty NLQ1 có quyền sử dụng nhà số 28A để kinh doanh; về các vấn đề pháp lý liên quan đến mặt bằng, chỉ khi được sự đồng ý hoặc nhận được thông báo của Công ty NT thì Công ty NLQ1 mới đồng ý việc Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nhà số 28A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty NLQ1. Công ty NLQ1 đã nhận được đầy đủ và không có ý kiến, không yêu cầu gì và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

- Bà NLQ2: Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà NLQ2 không hợp tác. Tuy nhiên, tại giai đoạn giải quyết đơn khởi kiện, ngày 26/11/2020, Tòa án nhận được Công văn số 29 đề ngày 21/11/2020 do bà NLQ2 ký đóng dấu chức danh

Giám đốc Công ty CNP. Nội dung Công văn thể hiện: Công ty CNP khẳng định không ban hành đơn khởi kiện Công ty NLQ1 tại điểm nhà số 28A. Việc bà G lấy danh nghĩa Công ty CNP khởi kiện là bất hợp pháp vì bà G là người ngoài vào mua cổ phần của Công ty, chưa đăng ký hợp pháp. Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cố tình cấp sai GCNĐKKD lần thứ 4 của Công ty, thay đổi người đại diện theo pháp luật từ bà NLQ2 sang bà G là trái luật. Nên, bà NLQ2 có đơn khiếu nại lên các cấp và đang được giải quyết. Vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà G ký tên đóng dấu Công ty CNP.

- Công ty TNHH MTV AQ (viết tắt là Công ty AQ) có ý kiến: Công ty AQ ký hợp đồng thuê nhà để cho Công ty CNP thuê 13 điểm nhà thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng để kinh doanh dịch vụ hợp pháp. Công ty AQ không quản lý nhà số 28A mà các đương sự đang tranh chấp nên không có tài liệu giao nộp cho Tòa án. Do không liên quan, không có yêu cầu gì đến nhà số 28A nên Công ty AQ từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tài liệu Tòa án thu thập tại các cơ quan, tổ chức liên quan thể hiện như sau:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cung cấp: Công ty CNP được Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở cấp GCNĐKDN lần đầu ngày 30/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24/12/2018, địa chỉ trụ sở chính tại số 84-86 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng, người đại diện theo pháp luật là bà G - Giám đốc; tình trạng doanh nghiệp đang hoạt động. Đến nay, phòng Đăng ký kinh doanh chưa nhận được bất kỳ tài liệu nào thông báo về việc tạm ngừng hoạt động hay giải thể của doanh nghiệp trên. DOANH nghiệp trên chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Về việc bà NLQ2 có đơn khiếu nại việc cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ 4 cho Công ty CNP: Ngày 20/02/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng nhận được đơn khiếu nại đề ngày 12/02/2020 ghi của Công ty CNP do bà NLQ2 ký tên với chức danh Giám đốc và đóng dấu Công ty CNP. Ngày 02/3/2020, Sở đã có Thông báo số 24/TB-KHĐT với nội dung thể hiện việc khiếu nại của bà NLQ2 không đủ điều kiện thụ lý giải quyết. Ngày 11/3/2020, Sở nhận tiếp Công văn số 06/2020/CV-CNP HP đề ngày 07/3/2020 do bà NLQ2 ký tên với chức danh Giám đốc và đóng dấu Công ty CNP đề nghị Sở thu hồi Thông báo 24/TB-KHĐT ngày 02/3/2020 của Sở đã ban hành về việc khiếu nại của bà NLQ2 không đủ điều kiện thụ lý giải quyết.

- Sở Tài chính thành phố Hải Phòng trình bày: Công ty Cổ phần CNP được chuyển đổi từ DOANH nghiệp nhà nước là Công ty CNP Hải Phòng theo các Quyết định số 3211/QĐ-UB ngày 06/12/2004, 343/QĐ-UB ngày 14/3/2005 của UBND thành phố Hải Phòng. Cơ cấu vốn của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần có vốn điều lệ 5.400 triệu đồng, trong đó vốn cổ đông nhà nước chiếm 21,4% vốn điều lệ. Ngày 21/5/2007, phần vốn nhà nước tại Công ty đã được chuyển giao toàn bộ cho Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Do đó, UBND thành phố Hải Phòng không làm chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty CNP từ thời điểm ngày 21/5/2007.

Liên quan đến nhà số 28A AJ, ngày 24/11/2004 UBND thành phố ban hành Quyết định số 3144/QĐ-UB xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá của Công ty CNP. Tại Phụ lục 03 - Bảng đánh giá giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá - phần nhà cửa, vật kiến trúc của nhà số 28A AJ đã được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá Công ty, trong đó có nhà số 28A.

- Ngân hàng AM - Chi nhánh Hải Phòng: Xác nhận số tài khoản 019843170001 mở tại Ngân hàng AM từ ngày 30/11/2017, chủ tài khoản là bà G. Đến thời điểm hiện tại, tài khoản trên vẫn phát sinh giao dịch, nhưng chỉ là các giao dịch thanh toán lãi từ tháng 7/2018 đến ngày 31/3/2021. Tại sao kê giao dịch tài khoản không có nội dung Công ty NT thanh toán tiền khoán kinh doanh.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần AN - Chi nhánh Hải Phòng: Xác nhận số tài khoản 099704070001652 đứng tên chủ tài khoản Công ty CNP, mở ngày 06/4/2012; người đại diện theo pháp luật đăng ký tại Ngân hàng từ ngày 06/4/2012 đến ngày 01/5/2019 là bà NLQ2, từ ngày 02/5/2019 đến nay là bà G; tài khoản đang ở trạng thái giao dịch bình thường. Chi tiết giao dịch tài khoản từ ngày 01/01/2019 đến nay không có nội dung Công ty NT thanh toán tiền khoán kinh doanh.

Tại phiên toà xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2021: Người đại diện của bị đơn và người có liên quan NLQ3 xuất trình tài liệu gồm 21 Phiếu thu từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2021 do Công ty CNP phát hành và 15 Hoá đơn GTGT (liên 1, mẫu số 01 GTKT3/001, ký hiệu AA/11P) từ ngày 10/3/2019 đến ngày 27/4/2021 do đơn vị bán hàng là Công ty CNP, đơn vị mua hàng là Công ty NT, tên hàng hoá dịch vụ là khoán kinh doanh. Theo đó, bị đơn có ý kiến đã trả đủ số tiền khoán nên không vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký với nguyên đơn.

Nguyên đơn phản đối toàn bộ các tài liệu bị đơn, người liên quan giao nộp tại phiên toà ngày 17/8/2021 vì không hợp lệ về hình thức và nội dung. Công ty CNP không phát hành 21 Phiếu thu này, nội dung và những người ký tên đều không giữ các chức danh như trong Phiếu thu. Toàn bộ 15 Hoá đơn GTGT đều là các số hoá đơn Công ty CNP thông báo huỷ và được Cục Thuế chấp nhận, thể hiện trên Cổng thông tin Thuế quốc gia; nội dung các hoá đơn ghi thanh toán chuyển khoản nhưng không có thông tin tài khoản bên bán và bên mua. Thực tế, kể từ thời điểm Công ty CNP có thông báo thay đổi Giám đốc - người đại diện theo pháp luật từ bà NLQ2 sang bà G theo GCNĐKDN thay đổi lần thứ 4 ngày 24/12/2018 cho đến nay, thì Công ty CNP không nhận được tiền khoán kinh doanh do Công ty NT thanh toán. Công ty CNP chỉ được biết các Phiếu thu, Hóa đơn GTGT nêu trên tại phiên toà xét xử sơ thẩm (đã được tạm ngừng) ngày 17/8/2021. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá các tài liệu chứng cứ bị đơn và người liên quan giao nộp ngày 17/8/2021.

Đồng thời, Công ty CNP có ý kiến khẳng định Công ty CNP không tranh chấp trong hoạt động nội bộ của doanh nghiệp về số tiền Công ty NT đã thanh toán cho Công ty (nếu có). Đối với những cá nhân có tên tại các Phiếu thu và có tên tại các số Hóa đơn GTGT trên, nếu sai phạm thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp

luật, không liên quan đến việc Công ty CNP khởi kiện trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo nội dung đơn khởi kiện của Công ty CNP.

Ngày 27/8/2021, Tòa án cấp sơ thẩm thông báo yêu cầu bị đơn và người liên quan là bà NLQ3 xuất trình bản chính 21 Phiếu thu và 15 số Hoá đơn GTGT để đối chiếu tính xác thực. Tuy nhiên, bị đơn và người liên quan không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

- Cục Thuế thành phố Hải Phòng có ý kiến về các tài liệu do đương sự xuất trình ngày 17/8/2021: Căn cứ hồ sơ khai thuế, Công ty CNP ở trạng thái đang hoạt động, Công ty nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan Thuế gồm tờ khai giấy và kê khai điện tử. Đối với 15 số Hoá đơn GTGT do Công ty NT giao nộp, thì tất cả (15 số Hoá đơn GTGT) đã được Công ty CNP Thông báo kết quả huỷ hoá đơn bằng phương pháp cắt góc gửi Cục Thuế Hải Phòng vào ngày 29/01/2019. Vậy, đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của 15 số Hoá đơn GTGT này theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2021, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ cho các đương sự biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, nhưng các đương sự đều không có ý kiến và không giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ gì khác.

Tại Bản án số 12/2021/KDTM-ST ngày 9/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 245 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 398, 399, 401, 483, 484, 488, 489, 490, 492, 493, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1.1. Công ty Cổ phần CP được đơn phương chấm dứt Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 đã ký giữa Công ty Cổ phần CP và Công ty Cổ phần NT.

1.2. Công ty Cổ phần NT và Công ty Cổ phần NLQ1 phải có nghĩa vụ bàn giao, trả lại cho Công ty Cổ phần CP nhà số 28A đường AJ, phường AK, quận C, thành phố Hải Phòng (toàn bộ phần diện tích nhà và đất mà Công ty Cổ phần NLQ1 đang quản lý sử dụng theo hợp đồng khoán kinh doanh đã ký với Công ty Cổ phần NT).

Vị trí mốc giới nhà số 28A đường AJ, phường AK, quận C, thành phố Hải Phòng được xác định: Phía Tây Bắc giáp Văn phòng AR từ mốc 8 đến mốc 2; Phía Đông Bắc giáp đường AK từ mốc 2 đến mốc 4, 5; Phía Đông Nam giáp đường AJ từ mốc 4 đến mốc 6; Phía Tây Nam giáp quán liền kề (tiệm trà chanh) từ mốc 6 đến mốc

7 và giáp nhà số 28B đường AJ từ mốc 7 đến mốc 8 (có trích đo Bản đồ địa chính kèm theo).

1.3. Công ty Cổ phần NT phải trả cho Công ty Cổ phần CP số tiền khoản kinh doanh chưa thanh toán theo hợp đồng hai bên đã ký kết, tạm tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/12/2021 là 3.177.000.000 (ba tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu) đồng.

1.4. Kể từ ngày 10/12/2021, Công ty Cổ phần NT còn tiếp tục phải trả khoản tiền khoản kinh doanh cho Công ty Cổ phần CP với mức tiền khoản 90.000.000 đồng/tháng cho đến khi bàn giao xong toàn bộ mặt bằng nhà số 28A đường AJ, phường AK, quận C, thành phố Hải Phòng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần CP về việc buộc Công ty Cổ phần NT phải trả khoản tiền lãi chậm thanh toán.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 20/12/2021, bị đơn có đơn kháng cáo, Ngày 18/12/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ3 có đơn kháng cáo. Các đơn kháng cáo đều có nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, và sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không xem xét đến khoản tiền nợ khoản kinh doanh 3,15 tỷ đồng và khoản tiền đặt cọc 600.000.000đ thực hiện hợp đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng khoản kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoản kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 đã ký giữa Công ty CNP và Công ty NT, đối với số tiền 600 triệu tiền đặt cọc nếu có căn cứ đề nghị trừ vào số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn, bà NLQ3 giữ nguyên nội dung kháng cáo và ý kiến như đã trình bày.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận 1 phần nội dung kháng cáo về số tiền 600.000.000 đồng, giữ nguyên các nội dung khác của bản án số 12/2021 ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Các đương sự đã thực hiện cơ bản đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ3, sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung về số tiền công ty NT còn phải thanh cho Công ty CNP tạm tính từ 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.577.000.000 đồng (giảm 600.000.000đ so với bản án sơ thẩm).

Về án phí sơ thẩm: Công ty NT phải nộp 83.540.000 đồng tiền án phí KDTM sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải nộp án phí KDTM phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án Kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng khoán kinh doanh giữa nguyên đơn là Công ty CNP và bị đơn là Công ty NT. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tổ chức kinh doanh, ký kết hợp đồng vì mục đích lợi nhuận, phục vụ cho hoạt động kinh doanh nên theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự là tranh chấp thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại số 24/31 đường P, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán nên tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Phiên tòa đã được mở nhiều lần, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần NLQ1, bà NLQ2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 296 BLTTDS HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự.

Bà NLQ3 là người kháng cáo có mặt tại phiên tòa ngày 28/6/2022, sau đó phiên tòa tạm ngừng và được mở lại vào ngày 18/7/2022. Tại phiên tòa hôm nay, bà NLQ3 vắng mặt và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà NLQ3 không thể đến tham dự phiên tòa được. Mặt khác, đây là phiên tòa mở lại sau khi tạm ngừng phiên tòa ngày 28/6/2022 nên HĐXX vẫn tiếp tục xét xử, không có căn cứ để hoãn phiên tòa. Tiếp tục xem xét yêu cầu kháng cáo của bà NLQ3.

-Về nội dung:Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự đề nghị xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm:

[4] Xét tính hợp pháp của hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 đã ký giữa Công ty CNP và Công ty NT:

- Về hình thức:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện từ năm 2011, Công ty CNP xảy ra tranh chấp nội bộ về quyền quản lý, điều hành hoạt động giữa các cổ đông. Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định số 79/2011/QĐ-HĐQT ngày 21/11/2011 bãi miễn chức vụ Giám đốc đối với bà NLQ2, Quyết định số 80/2011/QĐ-HĐQT bổ nhiệm bà G làm Giám đốc. Ngày 28/5/2013, Công ty CNP họp Đại hội cổ đông bất thường, ban hành Nghị quyết số 33/2013/NQ-ĐHĐCĐBT thông qua các Quyết định số 79, số 80 ngày 21/11/2011 trên. Sau đó, một trong các bên có tranh chấp trong Công ty đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội cổ đông bất thường ngày 28/5/2013. Vụ kiện được nhiều cấp xét xử, kết quả: Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/5/2013 của Công ty CNP. Ngày 14/7/2017, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định Giám đốc thẩm số 20/2017/KDTM-GĐT giữ nguyên bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm. Như vậy, kể từ ngày 15/7/2017, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 33/2013/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 28/3/2013 của Công ty CNP đã thông qua việc bãi miễn chức vụ Giám đốc đối với bà NLQ2 và phê chuẩn quyết định bổ nhiệm bà G làm Giám đốc. Tuy nhiên, tại thời điểm này bà G chưa được ghi nhận trên GCNĐKDN là Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty CNP. Từ thời điểm ngày 24/12/2018, bà G mới được ghi nhận là Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty CNP theo GCNĐKDN thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Do đó tại thời điểm ký kết Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng, người đại diện của hai công ty: ông AP là Giám đốc công ty NT và bà NLQ3 là Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CNP - Trung tâm AL (Bà NLQ3 được bà NLQ2 uỷ quyền tham gia ký kết) là hoàn toàn có căn cứ. Mặt khác, Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không ai có ý kiến gì về hình thức của hợp đồng. Nên xác định về thẩm quyền ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung:

Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện ký kết, trong hợp đồng thể hiện đầy đủ các nội dung về tài sản, địa điểm khoán kinh doanh, thời hạn, phương thức thanh toán, quyền, nghĩa vụ các bên, các trường hợp chấm dứt hợp đồng...về địa điểm thực hiện hợp đồng là tại căn nhà số 28 AJ, nguồn gốc của nhà số 28A là của ai... , tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của Công ty NT khẳng định tài sản thuê là của Công ty CNP, Công ty NT ký hợp đồng thuê với Công ty CNP. Nên xác định hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo các điều 116, 117,

119 của Bộ luật Dân sự. Do đó, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Xét quá trình thực hiện Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017;

Như đã phân tích ở trên, từ thời điểm ngày 24/12/2018, bà G được ghi nhận là Giám đốc Công ty CNP, Công ty CNP đã có văn bản thông báo thay đổi tư cách người đại diện theo pháp luật từ bà NLQ2 sang bà G; thông báo danh sách nhân sự, cán bộ chủ chốt của Công ty (Giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ) và các thông báo liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như yêu cầu các đối tác thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, trong đó có Công ty NT tại điểm nhà số 28A AJ. Nhưng kể từ tháng 01/2019 đến nay, nguyên đơn không nhận được tiền khoán kinh doanh do Công ty NT thanh toán.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty NT, bà NLQ3 trình bày: bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đối với nguyên đơn thể hiện tại 21 Phiếu thu, 15 Hoá đơn GTGT đã nộp. Nhưng tất cả các Phiếu thu và Hoá đơn GTGT này đều là bản phô tô, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn, bà NLQ3 không xuất trình được bản gốc. Qua xác minh tại Cục Thuế Hải Phòng và các tổ chức có liên quan, nhận thấy: 15 số Hoá đơn GTGT từ ngày 10/3/2019 đến ngày 27/4/2021 do bị đơn giao nộp đều được Công ty CNP thông báo kết quả huỷ hoá đơn bằng phương pháp cắt góc gửi Cục Thuế ngày 29/01/2019 và được Cục Thuế chấp nhận. Sao kê giao dịch tài khoản đứng tên Công ty CNP tại các Ngân hàng không xác định việc bị đơn đã chuyển khoản tiền khoán kinh doanh cho nguyên đơn từ thời điểm ngày 01/01/2019 đến nay.

Mặt khác, xét lời khai của bị đơn và bà NLQ3 có sự mâu thuẫn nhau: Bị đơn trình bày trả tiền cho nguyên đơn qua tài khoản ngân hàng hoặc trả bằng tiền mặt, còn bà NLQ3 trình bày bị đơn có trả tiền cho Chi nhánh Công ty và bà NLQ3 đã nộp cho kế toán của Công ty CNP. Nguyên đơn khẳng định không phát hành các phiếu thu này, và những người ký tên trong phiếu thu không giữ chức danh như trong phiếu thu.

Tại phiên toà, Công ty NT, bà NLQ3 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác về việc đã thanh toán tiền khoán kinh doanh. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 1 Phụ lục hợp đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ năm 2019 đến nay nên theo khoản 1 Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015 và tại mục 4.4 Điều 4 của hợp đồng có thỏa thuận: *“Nếu bên B vi phạm bất cứ điều khoản nào trong hợp đồng thì hợp đồng coi như được chấm dứt và bên A thu lại cửa hàng mà không phải đền bù các khoản vật chất cho bên B”* nên hợp đồng chấm dứt. Tuy nhiên, Toà cấp sơ thẩm chưa hỏi rõ yêu cầu của nguyên đơn được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng từ ngày tháng năm nào? Như vậy sẽ vướng mắc trong quá trình thi hành án sau này. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn có trình bày được chấm dứt hợp đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/12/2021) nên HĐXX chấp nhận. Do đó, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan là bà NLQ3 về việc cho rằng đã thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký với nguyên đơn.

[7] Về việc giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng:

Như đã phân tích ở trên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 nên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền khoán kinh doanh chưa thanh toán từ tháng 01 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/12/2021 với số tiền 90.000.000 đồng/tháng, tương ứng thời gian chậm thanh toán là 35 tháng 09 ngày, bằng tổng số tiền 3.177.000.000 đồng. Hợp đồng được chấm dứt.

Bị đơn và Công ty NLQ1 có nghĩa vụ bàn giao, trả lại căn nhà số 28A AJ cho nguyên đơn.

Về việc sửa chữa nhà số 28A AJ và liên quan đến hợp đồng thuê khoán giữa Công ty NLQ1 và Công ty NT, Công ty NLQ1 có quyền làm đơn yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Tại mục 1.4. của phần Quyết định có tuyên: *Kể từ ngày 10/12/2021, Công ty Cổ phần NT còn tiếp tục phải trả khoản tiền khoán kinh doanh cho Công ty Cổ phần CP với mức tiền khoán 90.000.000 đồng/tháng cho đến khi bàn giao xong toàn bộ mặt bằng nhà số 28A đường AJ, phường AK, quận C, thành phố Hải Phòng*". Xét thấy: Hợp đồng được chấm dứt kể từ ngày 09/12/2021 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên như vậy là phù hợp, bảo đảm quyền lợi cho các đương sự.

[9] *Đối với nội dung kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét đến số tiền bị đơn đặt cọc cho nguyên đơn là 600.000.000đ:*

Theo quy định tại Điều 1 Phụ lục hợp đồng số 02/2017 thì *"Số tiền Bên A phải đặt cọc cho bên B là 600 triệu đồng, số tiền đặt cọc không tính lãi và sẽ trừ vào khoản tiền khoán kinh doanh mà bên B phải trả bên A vào thời gian cuối của hợp đồng"*. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn trình bày: số tiền đặt cọc này nguyên đơn chưa trừ cho bị đơn và đề nghị được trừ vào số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Như vậy, có việc nguyên đơn đã nhận số tiền 600 triệu đồng tiền đặt cọc của bị đơn, tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy ý kiến các đương sự về vấn đề này và chưa xem xét đến khoản tiền này là có thiếu sót. Vậy bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền khoán kinh doanh chưa thanh toán từ tháng 01 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/12/2021 là 3.177.000.000 đồng, trừ đi số tiền 600.000.000đ tiền đặt cọc, số tiền còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 2.577.000.000đ.

Từ những căn cứ phân tích trên, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí sơ thẩm: Do số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn có thay đổi nên cần sửa án phí sơ thẩm. Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 296; khoản 2 Điều 244; Điều 245 và Điều 273, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 398, 399, 401, 483, 484, 488, 489, 490, 492, 493, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14,

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ3, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1.1. Công ty Cổ phần CP được đơn phương chấm dứt Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017 đã ký giữa Công ty Cổ phần CP và Công ty Cổ phần NT. Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng chấm dứt kể từ ngày 09/12/2021.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần NT và Công ty Cổ phần NLQ1 phải có nghĩa vụ bàn giao, trả lại ngay cho Công ty Cổ phần CP nhà số 28A đường AJ, phường AK, quận C, thành phố Hải Phòng (toàn bộ phần diện tích nhà và đất mà Công ty Cổ phần NLQ1 đang quản lý sử dụng theo hợp đồng khoán kinh doanh đã ký với Công ty Cổ phần NT). Vị trí mốc giới nhà số 28A đường AJ (có trích đo Bản đồ địa chính kèm theo).

1.3. Buộc Công ty Cổ phần NT phải trả cho Công ty Cổ phần CP số tiền khoán kinh doanh chưa thanh toán Hợp đồng khoán kinh doanh số 01/HĐKKD-TTAL ngày 11/9/2017 và Phụ lục hợp đồng khoán kinh doanh số 02/2017/PLHĐKKD ngày 11/9/2017, từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/12/2021 là 2.577.000.000đ.

1.4. Kể từ ngày 10/12/2021, Công ty Cổ phần NT còn tiếp tục phải trả khoản tiền khoán kinh doanh cho Công ty Cổ phần CP với mức tiền khoán 90.000.000 đồng/tháng cho đến khi bàn giao xong toàn bộ mặt bằng nhà số 28A đường AJ, phường AK, quận C, thành phố Hải Phòng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần CP về việc buộc Công ty Cổ phần NT phải trả khoản tiền lãi chậm thanh toán.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần NT phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 83.540.000 đồng.

Trả lại cho Công ty Cổ phần CP tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010107 ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

-Án phí phúc thẩm: Trả lại cho bà NLQ3 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0009536 ngày 4/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Trả lại cho Công ty Cổ phần NT số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0009535 ngày 4/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- TAND quận Hồng Bàng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà